

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của Dự án
“Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ kaolin felspat Hang Dơi” tại xã
Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của Dự án “Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ kaolin felspat Hang Dơi” tại xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ họp ngày 09 tháng 8 năm 2017;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của Dự án “Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ kaolin felspat Hang Dơi” tại xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 45/CV-GTMT ngày 26 tháng 11 năm 2018 và Văn bản số 18/CV-GTMT ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - VIMICO;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ kaolin fenspat Hang Dơi” tại xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - VIMICO (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1. Xây dựng công trình khai thác mỏ kaolin fenspat Hang Dơi” tại xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, công suất khai thác 55.995 tấn/năm (kaolin 10.115 tấn/năm, fenspat 45.880 tấn/năm), tổng diện tích sử dụng đất 6,635 ha (diện tích khai trường 6,45 ha). Tọa độ, ranh giới mỏ được thể hiện tại bản đồ tổng mặt bằng mỏ ký hiệu PACTPHMT-03 kèm theo phụ lục báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt này;

1.2. Thời gian thực hiện Dự án (bao gồm thời gian xây dựng cơ bản, thời gian khai thác và thời gian đóng cửa mỏ): Hai mươi một năm sáu tháng (21,5 năm).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ cho hoạt động khai thác mỏ, đặc biệt là QCVN 02: 2008/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và QCVN 04: 2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác lộ thiên;

2.2. Trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải tuân thủ các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành;

2.3. Thực hiện các biện pháp kỹ thuật và quản lý để giảm thiểu phát tán bụi trong quá trình triển khai Dự án đảm bảo không gây ảnh hưởng xấu đến cộng đồng, dân cư gần khu vực mỏ; tiến hành trồng cây xung quanh các khu vực sản công nghiệp, dọc tuyến đường vận tải và các khu đất trống thích hợp nhằm tạo cảnh quan môi trường;

2.4. Thực hiện xây dựng hệ thống đê chân bãi thải, hệ thống thu gom, hồ lắng, hệ thống thoát nước tại các khai trường, bãi thải và các công trình phụ trợ đảm bảo an toàn, bảo vệ môi trường cho Dự án trong quá trình thực hiện; xử lý các loại nước thải sản xuất, nước mưa chảy tràn đạt Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với các hệ số $K_q = 1,0$ và $K_f = 1,2$; thu gom, lắng lọc toàn bộ nước thải xưởng chế biến kaolin trước khi tuần hoàn tái sử dụng phục vụ xưởng tuyển (tuyệt đối không thải ra môi trường).

2.5. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra công thoát chung của khu vực.

2.6. Thực hiện giải pháp phòng ngừa các hiện tượng dịch chuyển, sạt lở đất đá các khu vực sườn tầng, bờ moong khai thác, bãi thải, tổ chức theo dõi, giám sát thường xuyên, khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các hiện tượng dịch chuyển, sạt lở bờ mỏ, moong khai thác, bãi thải phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý;

2.7. Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường và tuân thủ quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại;

2.8. Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu khi xảy ra sự cố, bảo đảm an toàn cho người, máy móc, thiết bị, các công trình, nhà xưởng và môi trường xung quanh; tuân thủ các quy định về ứng cứu sự cố, an toàn lao động, tài nguyên nước, khoáng sản và các quy định khác của pháp luật trong các hoạt động của Dự án;

2.9. Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; số liệu quan trắc phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Chỉ được phép triển khai Dự án sau khi đã thực hiện các thủ tục về chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất, thuê đất đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng các quy định của pháp luật.

3.2. Triển khai Dự án theo nội dung thiết kế cơ sở đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, đồng thời các nội dung bảo vệ môi trường được thể hiện chi tiết trong thiết kế mỏ và được phê duyệt theo quy định của pháp luật hiện hành; Chủ dự án chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án;

3.3. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường;

3.4. Thực hiện nghiêm chỉnh các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Dự án theo nội dung Văn bản số 14/UBND-TVMT ngày 02 tháng 11 năm 2016 của UBND xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ và Văn bản số 15/UBMTTQ-TVMT ngày 03 tháng 11 năm 2016 của UBMTTQ xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ về ý kiến tham vấn đối với Dự án;

3.5. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động, tài nguyên nước,

khoáng sản và các quy định khác của pháp luật trong các hoạt động của Dự án.

Điều 2. Phê duyệt nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của Dự án nêu trên với một số nội dung cụ thể sau:

1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường.

1.1. Khu vực khai thác: cải tạo, đắp đất củng cố bờ moong, tạo rãnh thu nước dọc sườn tầng; đắp bờ bao giữ đất phủ quanh mặt tầng, cải tạo hệ thống thoát nước trên các mặt tầng khai trường; san gạt, phủ đất màu và trồng cỏ trên các mặt tầng; xây dựng hàng rào và lắp đặt các biển cảnh báo xung quanh;

1.2. Khu vực bãi thải: san gạt, phủ đất màu và trồng cây; gia cố đê chắn chân bãi thải; cải tạo hệ thống thoát nước;

1.3. Khu vực hồ lắng: lấp các hồ lắng, phủ đất màu và trồng cây, cải tạo hệ thống thoát nước;

1.4. Khu vực chế biến, phụ trợ, công trình dân dụng: tiến hành tháo dỡ các công trình; xử lý nước thải, chất thải nguy hại; phủ đất màu và trồng cây, cải tạo hệ thống thoát nước;

1.5. Khu vực ngoài biên giới mỏ: cải tạo tuyến đường vận tải từ ranh giới mỏ về xưởng chế biến và trồng cỏ vetiver; cải tạo hệ thống thoát nước từ khu mỏ đến nguồn tiếp nhận;

1.6. Trồng cây keo lá tràm mật độ 2.500 cây/ha trên khu vực bãi thải, khu vực hồ lắng sau khi san lấp, khu vực phụ trợ và công trình dân dụng; trồng cỏ trên các mặt tầng khai thác.

2. Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là 5.290.628.000 đồng (Năm tỷ hai trăm chín mươi triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn đồng). Công ty đã thực hiện ký quỹ tại Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Thọ với số tiền là 28.017.682 đồng (Hai mươi tám triệu không trăm mười bảy nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng). Số tiền còn lại phải ký quỹ là: 5.262.610.318 đồng (Năm tỷ hai trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm mười nghìn ba trăm mười tám đồng). Thực hiện ký quỹ như sau:

2.1. Số lần ký quỹ: 21 lần.

2.1.1. Ký quỹ lần đầu số tiền là 789.391.548 đồng (Bảy trăm tám mươi chín triệu ba trăm chín mươi một nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng). Thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ;

2.1.2. Ký quỹ từ lần thứ hai tới lần thứ hai mươi một: mỗi lần số tiền là 233.660.939 đồng (Hai trăm ba mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn chín trăm ba mươi chín đồng);

2.1.3. Thời điểm ký quỹ: trước ngày 31 tháng 01 của năm (số tiền nêu trên chưa tính đến yếu tố trượt giá về số tiền ký quỹ trong các năm tiếp theo sau năm 2019).

2.2. Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Thọ.

Điều 3. Chủ dự án có các trách nhiệm sau đây:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của Dự án để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

4. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt tại Điều 2 Quyết định này và Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.

Điều 4. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 5. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận việc thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án.

Điều 6. Ủy nhiệm Tổng cục Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ và các đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 - VIMICO;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Phú Thọ;
- Sở TN&MT tỉnh Phú Thọ;
- Bộ Công Thương;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Thọ;
- Thanh tra Bộ, Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- Cục QLTNN;
- VT, VPMC, TCMT (Vụ TĐ(4), Vụ QLCT(1), Ch(2)).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

